CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex

Ngày 31/12/2025	49,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.8%	**26.7%**	**13.6%**

DT thuần
Q4/25
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.13| -100%

LN thuần
Q4/25
-56.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.9| -363%
YoY: ▼50.1| -846%

LN sau thuế
Q4/25
-54.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.5| -351%
YoY: ▼48.7| -822%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-2449%
YoY: +/-▼ 1751%

ROE
2025
-5.0%
YoY: +/-▼ 3.6%

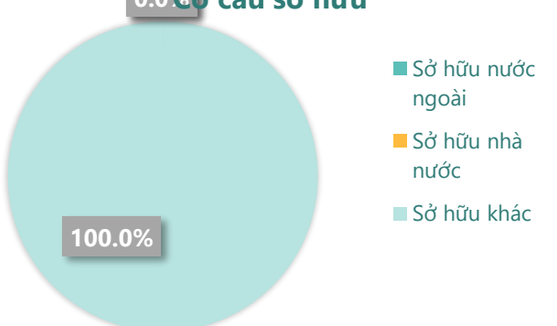
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,000 - 49,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	10,374
Số lượng CPLH (CP)	210,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	950,220
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	2.16
EPS	-368
P/E	-134.1

DT thuần
2025
3.16
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.03| 0.9%

LN thuần
2025
-79.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼57.5| -265%

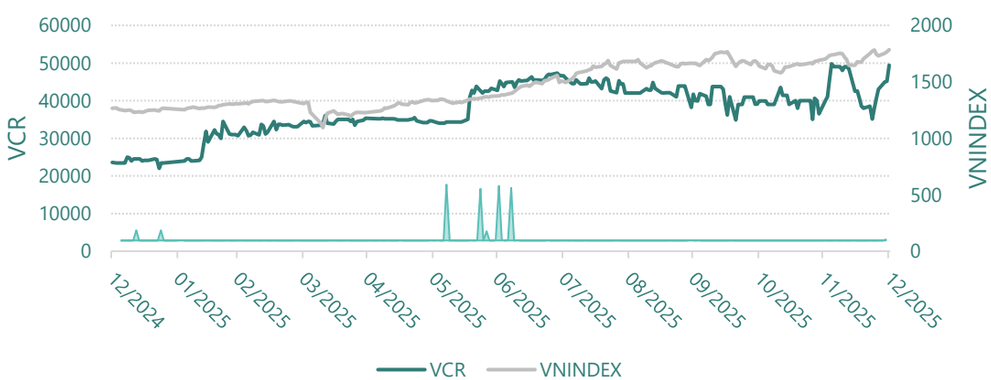
LN sau thuế
2025
-77.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼55.5| -254%

Cơ cấu sở hữu

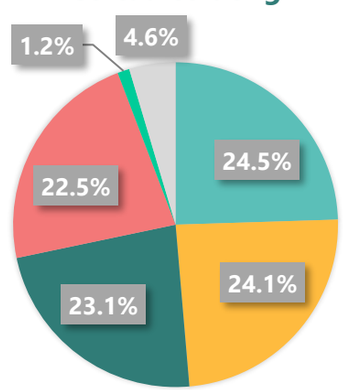


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

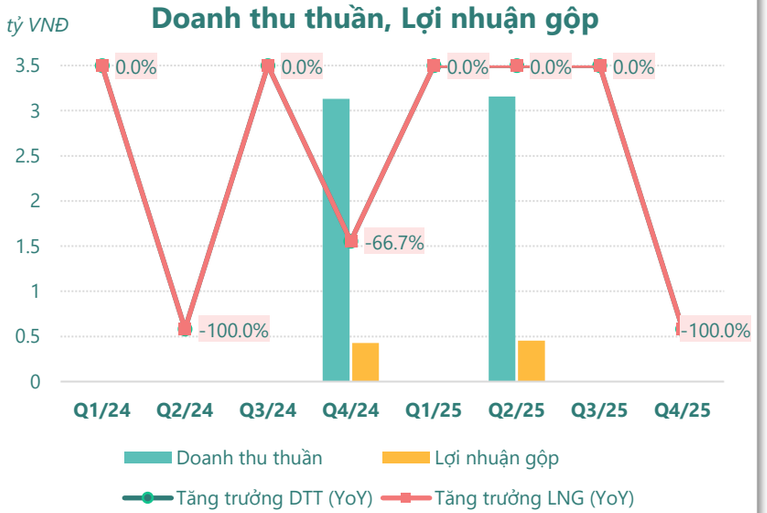


- Công ty TNHH Khu Đông - Phú Quốc
- Công ty TNHH Imperia An Phú
- Công ty TNHH Sàn Giao dịch Bất động sản Hà Nội ANPHA
- Công ty TNHH Kinh doanh Quốc tế SILVER FIELD
- CTCP Chứng khoán Agribank
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

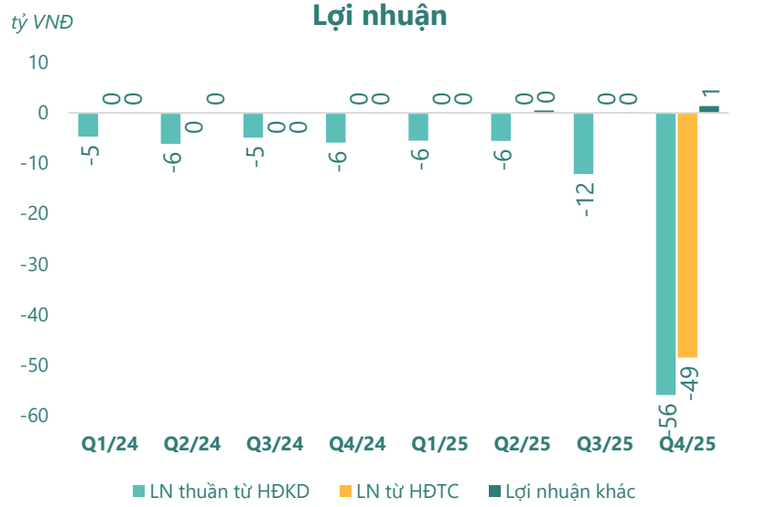
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



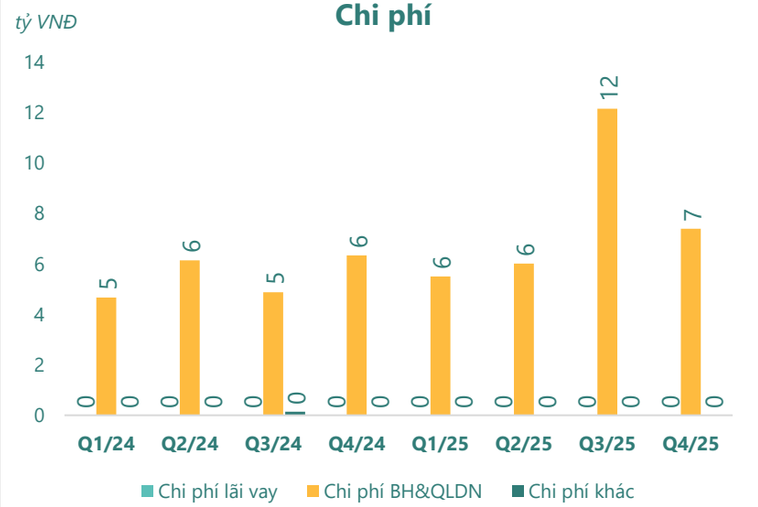
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



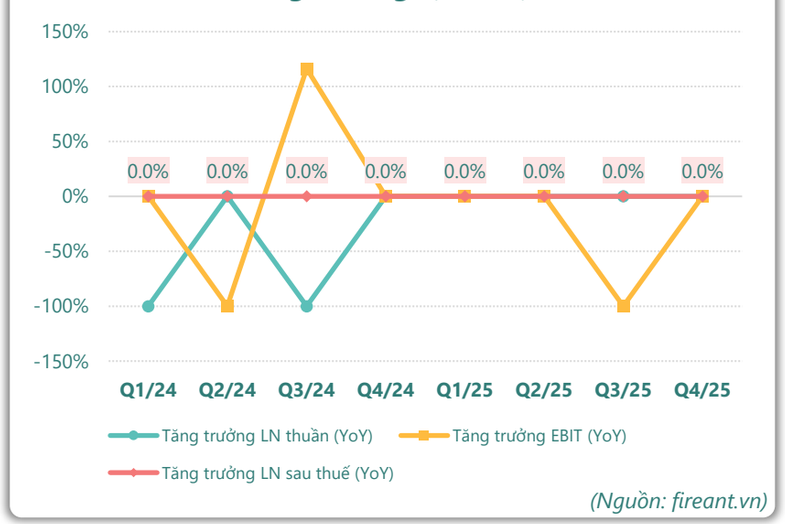
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



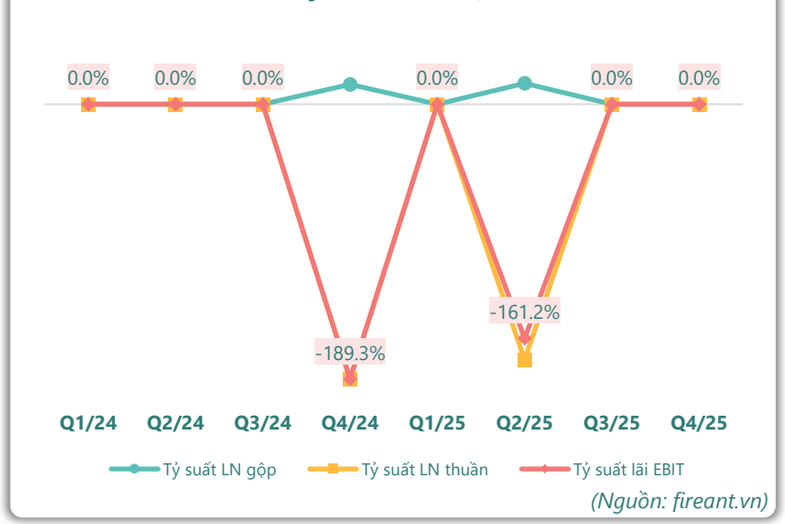
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



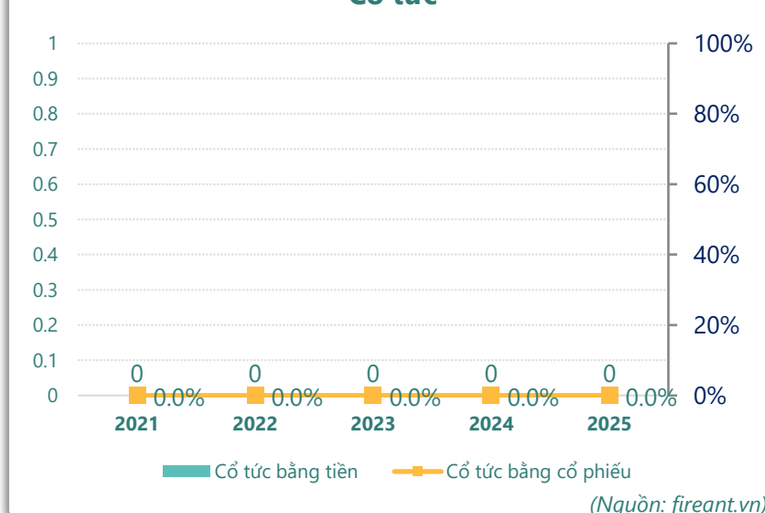
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

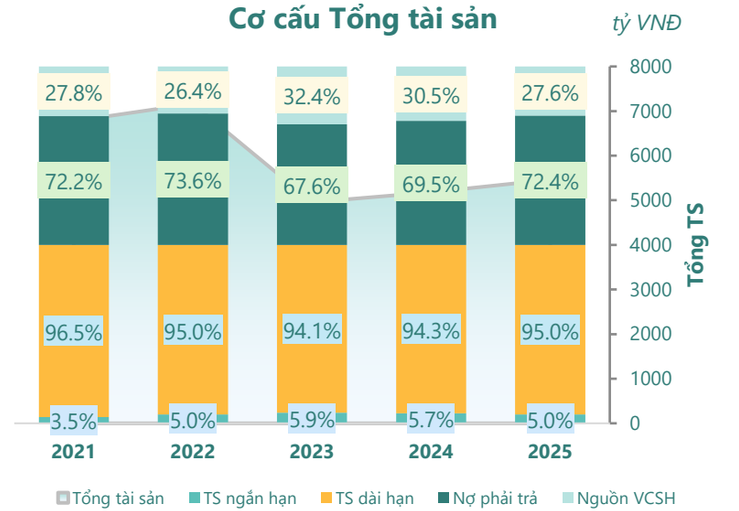
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

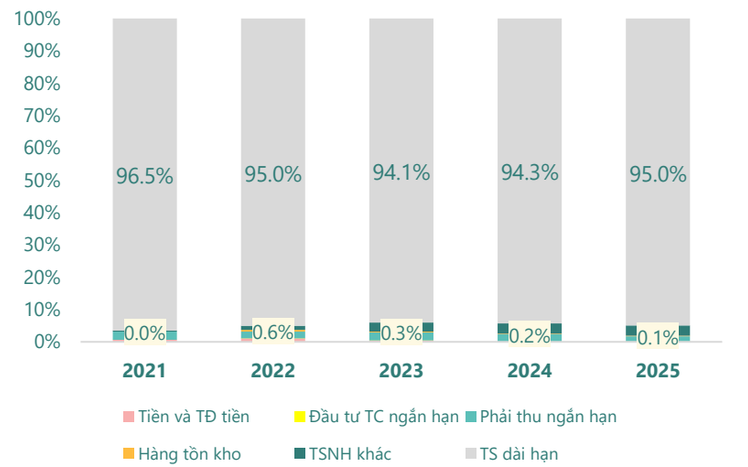
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



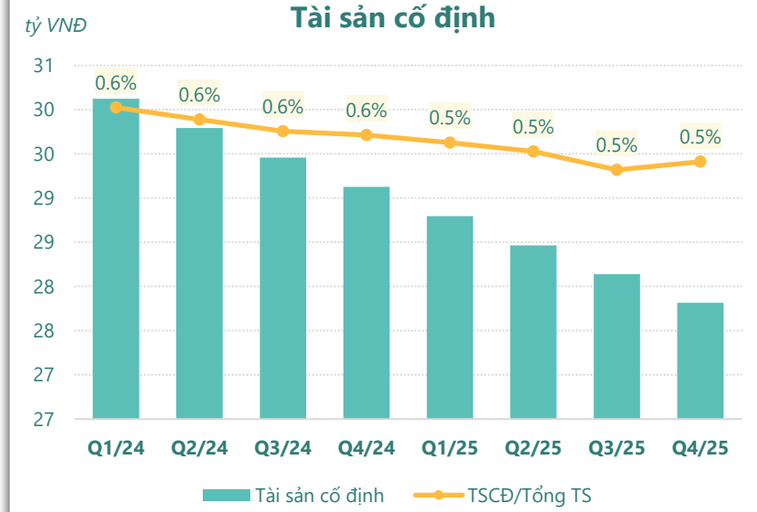
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



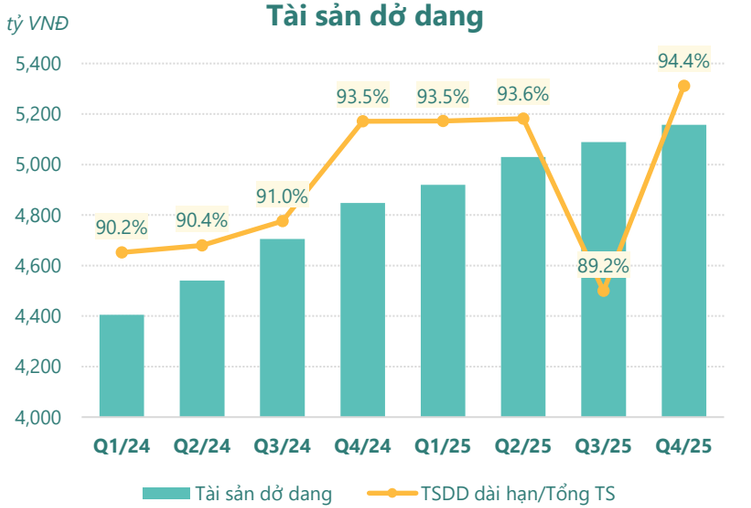
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



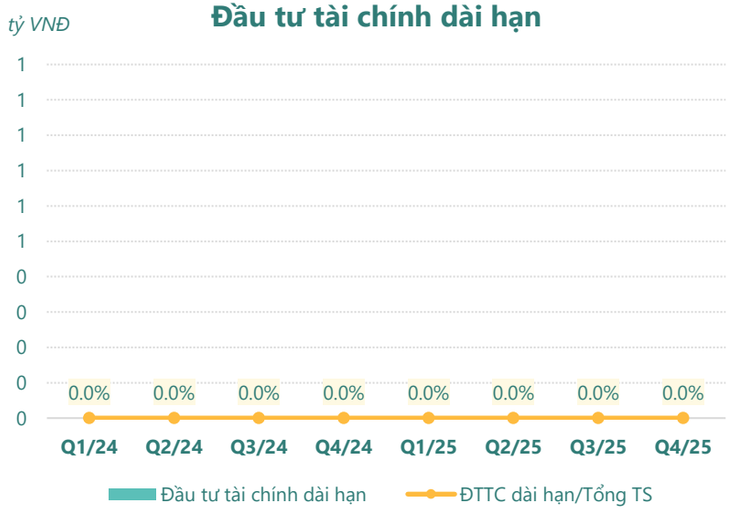
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



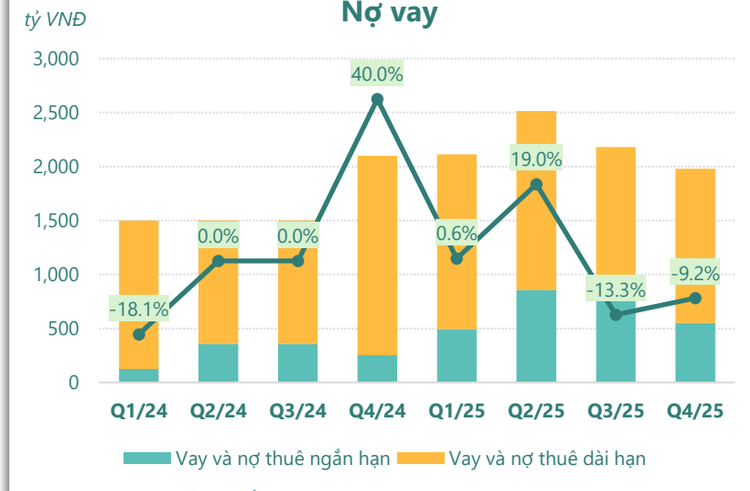
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

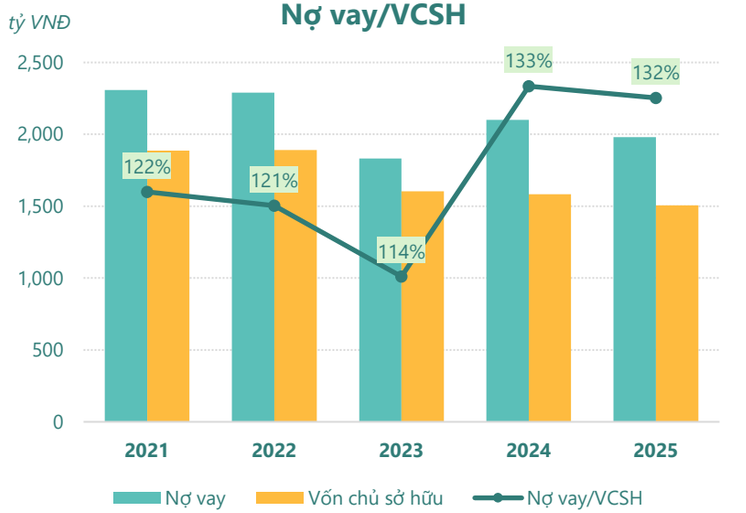
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

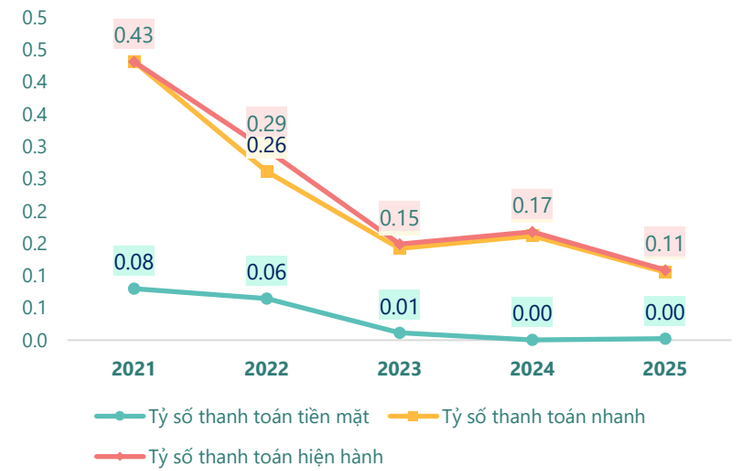
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



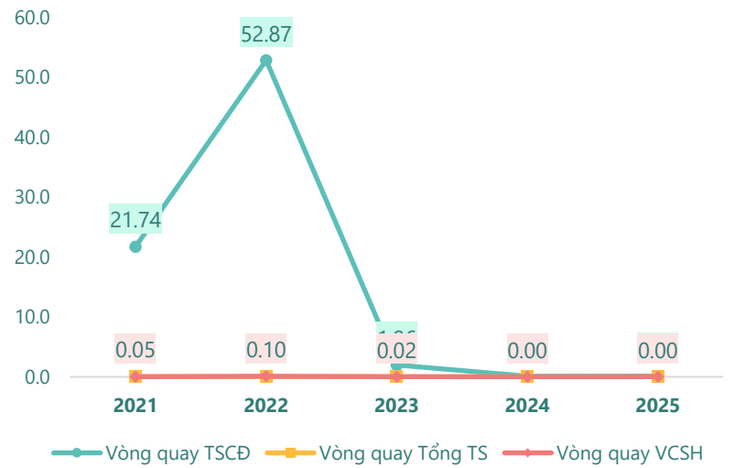
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



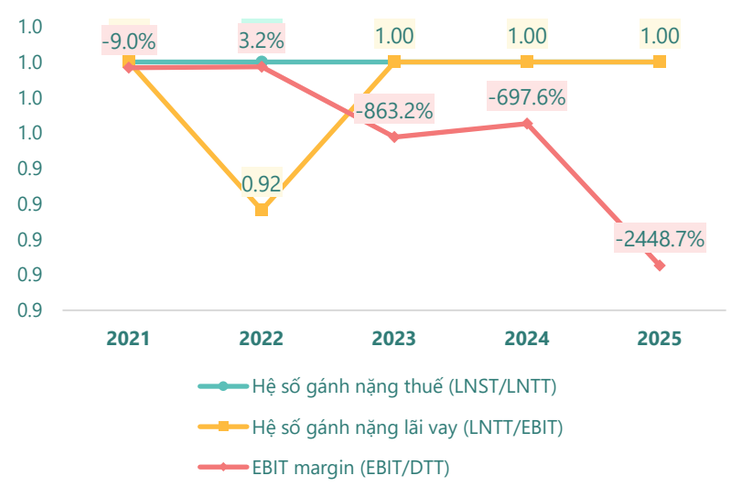
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



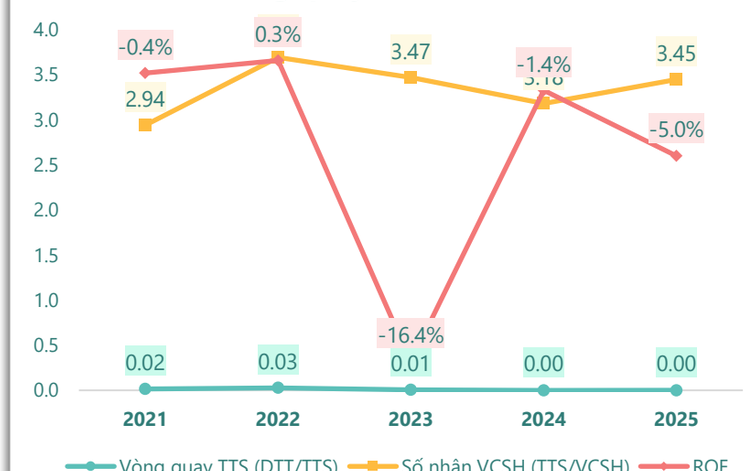
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



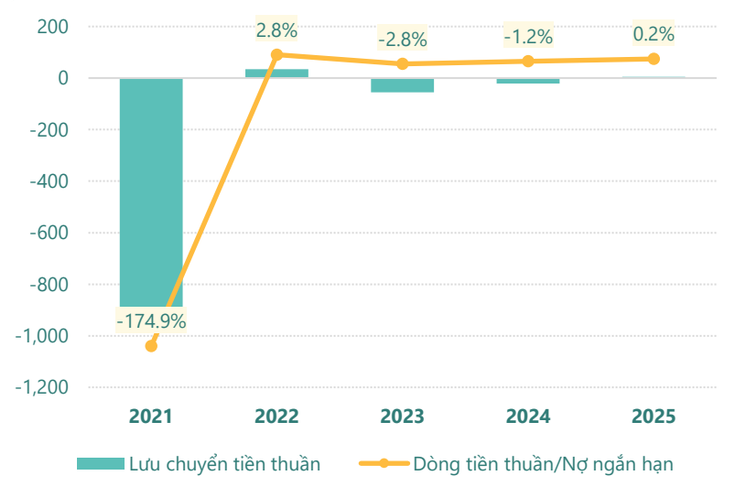
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**3.13**	**-100%**	**3.16**	**3.13**	**0.9%**
Giá vốn hàng bán	0	2.70	-100%	2.70	2.70	0.0%
Lợi nhuận gộp	0	0.43	-100%	0.45	0.43	6.7%
Doanh thu HĐTC	2.97	0.00		3.00	0.01	30497%
Chi phí TC	51.5	0.00		51.5	0.06	79207%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**7.41**	**6.35**	**16.7%**	**31.1**	**22.1**	**41.0%**
LN thuần từ HĐKD	-56.0	-5.92	-846%	-79.2	-21.7	-265%
Lợi nhuận khác	**1.37**	**0.00**		**1.86**	**-0.14**	**1432%**
LN trước thuế	-54.6	-5.92	-822%	-77.3	-21.8	-254%
Lợi nhuận sau thuế	**-54.6**	**-5.92**	**-822%**	**-77.3**	**-21.8**	**-254%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-54.6**	**-5.92**	**-822%**	**-77.3**	**-21.8**	**-254%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.9	-459	64.0	-333	744	-113
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.7	-141	-75.3	-68.4	-99.3	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	600	12.5	401	-334	-205
Tiền đầu kỳ	0.25	0.44	0.60	1.85	1.78	313
Lưu chuyển tiền thuần	**0.18**	**0.16**	**1.25**	**-0.07**	**311**	**-307**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.44	0.60	1.85	1.78	313	5.68

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,461**	**5,183**	**5.4%**
Tài sản ngắn hạn	275	294	-6.7%
Tiền và tương đương tiền	5.68	0.60	844%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.04	0.04	0.3%
Phải thu ngắn hạn	88.4	119	-25.7%
Hàng tồn kho	8.16	10.9	-24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	172	164	5.2%
Tài sản dài hạn	**5,187**	**4,889**	**6.1%**
Phải thu dài hạn	1.22	0.97	25.8%
Tài sản cố định	27.8	29.1	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5,157	4,848	6.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.39**	**11.1**	**-96.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,956	3,600	9.9%
Nợ ngắn hạn	**2,527**	**1,754**	**44.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	551	253	117%
Phải trả người bán ngắn hạn	250	463	-45.9%
Nợ dài hạn	1,429	1,847	-22.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,429	1,847	-22.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,505**	**1,583**	**-4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,505**	**1,583**	**-4.9%**
Vốn điều lệ	2,100	2,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)